

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 17/11/2021  
Về việc: "Ly hôn".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ- TỈNH B**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Tòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Trung Thành  
Ông Phạm Văn Giới
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trương Văn PH - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B :* Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2021/TLST - HN&GD ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/TB-TA ngày 22/7/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 15/2021/TB-TA ngày 25/10/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Đình Ng, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).  
Trú tại: Thôn 3, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh B .
- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Mai L, sinh năm 1996 (xin vắng mặt).  
Trú tại: Ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh B .

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 01 năm 2021, quá trình làm việc nguyên đơn anh Vũ Đình Ng trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Ng và chị L tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2015. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2019, từ đó đến nay vợ chồng không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai cả. Nay anh Ng xác định tình cảm dành vợ chồng đã thực sự hết. Vì vậy, anh Ng yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết ly hôn với chị L.

*Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Quá trình chung sống anh Ng và chị L có 01 người con chung là Vũ Thị Thu H, sinh ngày 13/9/2016. Khi ly hôn

anh Ng và chị L đã thống nhất giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn chị Phạm Thị Mai L trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh Ng tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2015. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2019 từ đó đến nay vợ chồng không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai cả. Nay anh Ng có đơn ly hôn, chị L đồng ý thuận tình ly hôn.

*Về con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng có con chung Vũ Thị Thu H, sinh ngày 13/9/2016, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

*\* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục nhận đơn và thụ lý giải quyết vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Ng và bị đơn chị L có đăng ký kết hôn theo quy định, nay anh Ng có đơn yêu cầu ly hôn, quá trình thu thập chứng nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên không thể hòa giải đoàn tụ được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Ng.

+ Về con chung: Quá trình chung sống anh Ng và chị L có 01 người con chung là Vũ Thị Thu H, sinh ngày 13/9/2016, khi ly anh Ng thống nhất giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó cần giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Về quan hệ pháp luật:* Anh Vũ Đình Ng yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Mai L. Đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Bị đơn chị Phạm Thị Mai L có nơi cư trú tại: Ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh B. Do đó căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

*Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị Phạm Thị Mai L có đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn anh Vũ Đình Ng có đơn xin vắng xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đ tiến hành giải quyết vắng mặt anh Ng, chị L là đúng quy định của pháp luật.

Về yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ng và chị L kết hôn với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2015. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống thì giữa anh Ng và chị L không có hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt dẫn đến ly thân từ 2019 cho đến nay, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến ai cả. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa anh Ng và chị L đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay anh Ng yêu cầu ly hôn với chị L và chị L cũng đồng ý ly hôn với anh Ng, do đó yêu cầu ly hôn của anh Ng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa anh Ng và chị L có 01 người con chung là Vũ Thị Thu H, sinh ngày 13/9/2016, xét thấy hiện tại cháu H đang sống với chị L và chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Quá trình thu thập chứng cứ anh Ng cũng đồng ý giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, xét thấy cần giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận do đó Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ng và chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 51 và 56, 81, 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Vũ Đình Ng được ly hôn với chị Phạm Thị Mai L.

[2] Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Thu H, sinh ngày 13/9/2016 cho chị Phạm Thị Mai L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Anh Ng có quyền thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ và gia đình thẩm: Anh Vũ Đình Ng phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004618 ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B .

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B ;
- VKSND huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Tòa**

